

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ
XÂY DỰNG SỐ 4**

*Báo cáo tài chính hợp nhất
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012
đã được kiểm toán*

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

*Về Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012
của Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Số 4*

**Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Số 4**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Số 4 được lập ngày 30 tháng 3 năm 2013 gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 được trình bày từ trang 05 đến trang 42 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất này thuộc trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo này căn cứ trên kết quả kiểm toán của chúng tôi.

Cơ sở ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán được lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng các Báo cáo tài chính hợp nhất không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện việc kiểm tra và áp dụng các thử nghiệm cần thiết theo phương pháp chọn mẫu, các bằng chứng xác minh những thông tin trong Báo cáo tài chính hợp nhất; đánh giá việc tuân thủ các chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Ban Giám đốc cũng như cách trình bày tổng quát các Báo cáo tài chính hợp nhất. Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán của chúng tôi đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến của chúng tôi.

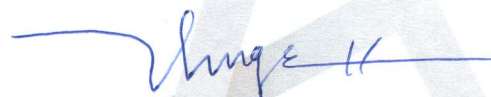
Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Số 4 tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, cũng như kết quả kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

Báo cáo này phát hành thay thế báo cáo số 777/2013/BC.KTTC-AASC.KT5 ngày 28/04/2013 của Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng số 4.



Cát Thị Hà
Phó Tổng Giám đốc
Chứng chỉ KTV số: 0725/KTV
Hà Nội, ngày 12 tháng 06 năm 2013



Hoàng Thúy Nga
Kiểm toán viên
Chứng chỉ KTV số: 0762/KTV

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2012	01/01/2012
			VND	VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		1.633.722.475.094	1.411.145.714.857
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	3	104.884.843.688	79.413.528.601
111	1. Tiền		64.184.843.688	53.413.528.601
112	2. Các khoản tương đương tiền		40.700.000.000	26.000.000.000
120	II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn		106.111.121	381.666.669
121	1. Đầu tư ngắn hạn		106.111.121	381.666.669
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		469.092.147.977	492.884.221.065
131	1. Phải thu khách hàng		427.898.693.431	380.810.495.851
132	2. Trả trước cho người bán		38.336.759.992	109.436.874.824
135	3. Các khoản phải thu khác	4	4.014.551.181	3.794.707.017
139	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(1.157.856.627)	(1.157.856.627)
140	IV. Hàng tồn kho	5	981.093.766.443	759.790.912.646
141	1. Hàng tồn kho		981.093.766.443	759.790.912.646
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		78.545.605.865	78.675.385.876
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn		4.296.379.755	3.020.778.798
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		4.491.469	51.402.519
154	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước		3.179.614.716	19.144.934
158	4. Tài sản ngắn hạn khác	6	71.065.119.925	75.584.059.625
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		632.292.368.226	664.559.017.586
220	II. Tài sản cố định		377.551.275.461	590.628.620.848
221	1. Tài sản cố định hữu hình	7	65.878.351.025	32.152.282.085
222	- Nguyên giá		170.304.133.402	122.857.258.306
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(104.425.782.377)	(90.704.976.221)
224	2. Tài sản cố định thuê tài chính	8	19.232.639.485	22.024.182.675
225	- Nguyên giá		33.173.942.017	38.743.680.207
226	- Giá trị hao mòn lũy kế		(13.941.302.532)	(16.719.497.532)
227	3. Tài sản cố định vô hình	9	40.032.688.438	50.429.081.250
228	- Nguyên giá		40.635.709.600	50.729.081.250
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(603.021.162)	(300.000.000)
230	4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	10	252.407.596.513	486.023.074.838
240	III. Bất động sản đầu tư	11	170.036.740.483	-
241	- Nguyên giá		173.488.333.297	-
242	- Giá trị hao mòn lũy kế		(3.451.592.814)	-
250	IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	12	66.216.647.496	60.939.389.180
252	1. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh		41.234.412.482	42.457.154.166
258	2. Đầu tư dài hạn khác		24.982.235.014	18.482.235.014

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

(tiếp theo)

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2012	01/01/2012
			VND	VND
260	V. Tài sản dài hạn khác		18.487.704.786	12.991.007.558
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	13	13.048.796.557	8.198.702.587
262	2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	26	4.573.908.229	3.927.304.971
268	3. Tài sản dài hạn khác		865.000.000	865.000.000
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		2.266.014.843.320	2.075.704.732.443
NGUỒN VỐN				
300	A. NỢ PHẢI TRẢ		1.977.607.912.992	1.776.774.161.395
310	I. Nợ ngắn hạn		1.466.854.807.298	1.325.685.402.568
311	1. Vay và nợ ngắn hạn	14	217.843.870.160	254.154.445.803
312	2. Phải trả người bán		689.663.444.511	522.496.659.617
313	3. Người mua trả tiền trước		338.345.968.617	381.734.481.014
314	4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	15	58.609.188.745	42.287.904.791
315	5. Phải trả người lao động		93.825.307.487	75.161.526.303
316	6. Chi phí phải trả	16	31.929.467.732	12.288.929.362
319	7. Các khoản phải trả, phải nộp khác	17	32.490.034.229	33.697.449.829
320	8. Dự phòng phải trả ngắn hạn		-	930.543.647
323	9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		4.147.525.817	2.933.462.202
330	II. Nợ dài hạn		510.753.105.694	451.088.758.827
334	1. Vay và nợ dài hạn	18	272.304.053.402	271.259.760.318
336	2. Dự phòng trợ cấp mất việc làm		-	714.754.585
337	3. Dự phòng phải trả dài hạn		45.515.229	8.253.697
338	4. Doanh thu chưa thực hiện	19	238.403.537.063	179.105.990.227
400	B. VỐN CHỦ SỞ HỮU		238.216.556.599	248.026.656.195
410	I. Vốn chủ sở hữu	20	238.216.556.599	248.026.656.195
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		160.000.000.000	160.000.000.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		38.850.784.000	38.850.784.000
416	3. Chênh lệch tỷ giá hối đoái		-	(441.870)
417	4. Quỹ đầu tư phát triển		23.545.591.628	19.813.364.205
418	5. Quỹ dự phòng tài chính		5.868.902.700	4.189.253.160
419	6. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		111.657.007	111.657.007
420	7. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		9.839.621.264	25.062.039.693
439	C. LỢI ÍCH CỦA CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ		50.190.373.729	50.903.914.853
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		2.266.014.843.320	2.075.704.732.443

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

Chỉ tiêu	31/12/2012	01/01/2012
1. Ngoại tệ các loại		
- Đồng Euro	-	1,47
- Đô la Mỹ	4.549,89	4.031,51



Phùng Thị Hồng Nhung
Người lập



Đỗ Thị Bích Thủy
Kế toán trưởng



Đinh Công Thụy
Tổng Giám đốc
Hà Nội, ngày 30 tháng 03 năm 2013

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Năm 2012

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Năm 2012	Năm 2011
			VND	VND
1	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	21	1.360.806.649.888	1.209.604.202.968
2	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		1.360.806.649.888	1.209.604.202.968
11	4. Giá vốn hàng bán	22	1.290.410.878.840	1.126.938.669.442
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		70.395.771.048	82.665.533.526
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	23	3.715.950.838	10.076.613.811
22	7. Chi phí tài chính	24	18.531.901.456	8.094.824.340
23	<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>		18.519.608.546	8.067.039.440
25	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp		43.309.186.369	41.246.278.413
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		12.270.634.061	43.401.044.584
31	11. Thu nhập khác		2.377.567.275	3.353.286.122
32	12. Chi phí khác		701.998.525	702.061.859
40	13. Lợi nhuận khác		1.675.568.750	2.651.224.263
45	14. Phần lãi/(lỗ) trong công ty liên kết, liên doanh		458.671.769	1.477.660.414
50	15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		14.404.874.580	47.529.929.261
51	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	25	4.931.457.848	10.661.364.159
52	17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	26	(646.603.258)	(931.946.456)
60	18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		10.120.019.990	37.800.511.558
61	18.1 Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số		6.482.859.523	10.101.059.095
62	18.1 Lợi nhuận sau thuế của cổ đông Công ty		3.637.160.467	27.699.452.463
70	18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	27	227	2.069

Phùng Thị Hồng Nhung
Người lập

Đỗ Thị Bích Thủy
Kế toán trưởng

Đinh Công Thụy
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 30 tháng 03 năm 2013